TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Lộc Xá, xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị WU, SHIH M, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 341, đường Trung Chính, cụm 19, phường Đại Thổ, thị trấn Trúc Nam, huyện Miêu Lật, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 5 năm 2019. Sau khi kết hôn chị WU, SHIH M về Đài Loan sinh sống và làm việc. Do vợ chồng xa cách, tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, hai người thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân nhiều tháng, anh Q cũng không có khả năng sang Đài Loan đoàn tụ với chị WU SHIH, M. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh Q làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị WU, SHIH M.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn của bị đơn chị WU, SHIH M, trình bày:

Chị WU, SHIH M thống nhất với lời khai của anh Phạm Văn Q về thời điểm kết hôn, tình trạng quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh Phạm Văn Q yêu cầu ly hôn, chị WU SHIH M nhất trí.

Về con chung: Anh chị không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 5 năm 2019. Anh Phạm Văn Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là vụ án ly hôn. Chị WU, SHIH M hiện đang ở Đài Loan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M thống nhất với lời khai của đại diện gia đình về thời gian kết hôn, về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Cuộc sống chung vợ chồng giữa anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M đã không còn tồn tại, đến nay anh chị không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Anh chị hiện đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, do khoảng cách địa lý xa xôi khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Như vậy việc anh Phạm Văn Q xin ly hôn với chị WU, SHIH M là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn Q, cho anh Q và chị WU, SHIH M được ly hôn.

[4] Về con chung: Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn Q là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Q:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Q được ly hôn với chị WU, SHIH M.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn Q và chị WU, SHIH M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000339 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị WU, SHIH M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy